

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BXD-TTCNTT

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

V/v kết quả triển khai Hệ thống thông tin
giải quyết thủ tục hành chính tập trung của
Bộ Xây dựng sau 6 tháng triển khai

Kính gửi: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện nhiệm vụ được giao¹, Bộ Xây dựng đã triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung đối với toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ được giải quyết tại cấp tỉnh, cấp xã kể từ ngày 01/01/2026.

Sau 6 tháng triển khai chính thức, hệ thống đã tạo lập trên 68.000 tài khoản cho cán bộ giải quyết thủ tục hành chính của các địa phương; tiếp nhận và xử lý hơn 470.160 hồ sơ (trong đó có hơn 384.992 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 81,88%). Tuy nhiên, qua theo dõi trên hệ thống, có một số địa phương có tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, xử lý thấp hơn so với trung bình trên cả nước; còn nhiều xã, phường chưa phát sinh hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*). Để đảm bảo hiệu quả triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung theo đúng yêu cầu của Ban chỉ đạo Trung ương, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm phối hợp triển khai một số nội dung như sau:

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận, xử lý toàn bộ các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Bộ Xây dựng quản lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ.

2. Tiếp tục rà soát, phối hợp với Bộ Xây dựng triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ với Hệ thống quản lý văn bản của địa phương; các tiện ích hỗ trợ (dịch vụ tin nhắn SMS, hóa đơn điện tử)².

3. Từ ngày 20/03/2026, Bộ Xây dựng đã tiến hành bàn giao, phân quyền quản trị hệ thống cho các tỉnh, thành phố³. Tuy nhiên, đến nay mới có một số tỉnh, thành phố cán bộ quản trị đã chủ động sử dụng một số chức năng trên hệ thống (quản trị người dùng; quản trị danh mục cơ quan, đơn vị...)⁴. Để chủ động triển khai, vận

¹ Thông báo số 35-TB/TGV ngày 11/7/2025.

² Đã hoàn thành kết nối với phần mềm Quản lý văn bản của 05 địa phương: An Giang, Cà Mau, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Tây Ninh; dịch vụ hóa đơn điện tử của 26/34 tỉnh, thành phố.

³ Văn bản số 4108/BXD-TTCNTT ngày 17/03/2026

⁴ Tuyên Quang, Phú Thọ, Hải Phòng, Vĩnh Long, An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Tây Ninh...

hành hệ thống phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng địa phương, Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo đầu mối quản trị của địa phương nghiên cứu, triển khai sử dụng các chức năng quản trị hệ thống, trước mắt tập trung vào các chức năng cơ bản như: quản trị người dùng; quản trị danh mục cơ quan, đơn vị; quản trị thời gian giải quyết thủ tục hành chính...

Trong quá trình thực hiện, các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của các địa phương gửi về Bộ Xây dựng (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để tổng hợp, triển khai (*chi tiết liên hệ: Ông Nguyễn Song Hào, Phó Trưởng phòng CSDL&PM - Trung tâm Công nghệ thông tin, SĐT: 0978.227.306, Email: haons@moc.gov.vn*).

Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TTCNTT_(Tiền).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục
DANH SÁCH SỐ LƯỢNG HỒ SƠ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẬP TRUNG BỘ XÂY DỰNG
(Kèm theo Văn bản số /BXD-TTCNTT ngày tháng 07 năm 2026 của Bộ Xây dựng)

STT	Tỉnh/thành phố	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận xử lý	Số lượng xã/phường đã tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Số lượng xã/phường có số lượng hồ sơ phát sinh dưới 10 hồ sơ
1.	Thành phố Hồ Chí Minh	132.816	166/168	4
2.	Lạng Sơn	66.141	27/65	10
3.	Đà Nẵng	30.901	59/94	15
4.	Hải Phòng	22.408	99/114	35
5.	Hà Nội	21.320	118/126	19
6.	Đồng Nai	13.022	86/95	25
7.	Quảng Ninh	11.326	48/54	7
8.	Nghệ An	10.820	45/130	28
9.	Gia Lai	9.906	106/135	48
10.	Tây Ninh	9.615	91/96	28
11.	Lào Cai	8.989	51/99	22
12.	Bắc Ninh	8.341	70/99	22
13.	Ninh Bình	8.046	69/129	41
14.	Quảng Trị	7.758	34/78	18
15.	Thanh Hóa	7.417	113/166	59
16.	Thái Nguyên	7.258	58/92	18
17.	An Giang	6.845	81/102	40
18.	Cần Thơ	6.820	80/103	30

19.	Đắk Lắk	6.729	64/102	30
20.	Khánh Hòa	6.531	46/65	14
21.	Đồng Tháp	6.029	88/102	34
22.	Hà Tĩnh	5.701	33/69	13
23.	Lâm Đồng	5.576	92/124	40
24.	Huế	5.346	34/40	4
25.	Vĩnh Long	4.860	97/124	45
26.	Phú Thọ	4.834	72/148	34
27.	Tuyên Quang	4.753	22/124	10
28.	Quảng Ngãi	4.642	53/96	26
29.	Cà Mau	3.044	53/64	23
30.	Hưng Yên	2.850	41/104	27
31.	Điện Biên	1.863	6/45	3
32.	Sơn La	1.624	21/75	9
33.	Lai Châu	872	9/38	5
34.	Cao Bằng	685	20/56	5

(Số liệu được kết xuất trên hệ thống đến hết ngày 30/6/2026)